

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2022/DS-PT

Ngày: 27/7/2022

*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất mộ, lối đi
vào mộ, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền;

Các thẩm phán:

1. Ông Điều Văn Hằng;

2. Ông Phùng Hải Hiệp;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 98/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất mộ, lối đi vào mộ, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST, ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6360/2022/QĐ-PT, ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu C, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu C, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá H – Phó Chủ tịch và ông Nguyễn Xuân B – Công chức địa chính, xây dựng, môi trường. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày: Gia đình ông có một ngôi mộ tổ gần 100 năm được an táng tại sù Gò V (mộ cụ Nguyễn Văn Đ) trước là xã C nay thuộc Khu C, xã Y. Nhiều chục năm sau đó bố mẹ bà Trần Thị L là cụ K, cụ D mới đến làm trại sinh sống tại đây. Khi cụ K chết, cụ D đã chia đất cho con gái là bà L và chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn V (hàng xóm). Ngôi mộ của gia đình ông nằm ở ranh đất giữa hai nhà ông V và bà L. Khi làm thủ tục chuyển nhượng đất năm 2001 bố ông là cụ Nguyễn Văn C đại diện gia đình, dòng họ đã cùng ông V, bà L bàn bạc thống nhất về phạm vi sử dụng của ngôi mộ, sau đó lập bản cam kết có chứng kiến của trưởng khu hành chính, ông Nguyễn Kim B - Cán bộ địa chính, ông Phùng Ngọc T - Chủ tịch xã C (nay sát nhập với xã Y), thỏa thuận cam kết nếu bên nào vi phạm sẽ xử lý theo pháp luật. Năm 2018, bà L đào đất gây sạt lở ngôi mộ và xây bờ rào ngăn cấm không cho gia đình ông đi lại tôn tạo ngôi mộ với lý do ngôi mộ nằm trong đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất). Bà L đã vi phạm cam kết, trái với đạo lý làm người, xâm phạm mồ mả tổ tiên của người khác.

Ông N khởi kiện yêu cầu: Hủy GCNQSD đất đã cấp cho bà L; Trả lại phần diện tích của ngôi mộ và cắt một lối đi để cho gia đình dòng họ, con cháu vào thờ phụng, hương khói ngôi mộ tổ.

Bị đơn là bà Trần Thị L trình bày: Bà có biết việc ông N yêu cầu hủy GCNQSD đất, dỡ tường rào mở lối đi vào ngôi mộ của gia đình ông N nằm trong đất của gia đình bà. Năm 2002 bà có thỏa thuận với ông T (chú ông N) về việc không được tôn tạo ngôi mộ nhỏ; bà đồng ý chừa 70cm để không cuốc xới vào đến mộ; ngôi mộ là ngôi mộ tổ của gia đình ông N, khi bà được cấp GCNQSD đất đã có ngôi mộ ở đó. Năm 2005 khi bà đi vắng gia đình ông N đã tự ý tôn tạo ngôi mộ to hơn. Năm 2016 do phải hiến đất làm đường nên bà phải đào đất để làm cổng mới nên phải đào gần sát ngôi mộ, gia đình ông N đến không cho đào đất và đánh chửi bà. Năm 2019 ông N kiện đến Tòa án tỉnh bằng vụ án hành chính, do hòa giải được nên ông N rút đơn khởi kiện. Khi hòa giải bà đã nhượng bộ nhưng sau này ông N lại đòi từ chân mộ ra 22cm và đòi mở cổng riêng thì bà không đồng ý nên thỏa thuận không thực hiện được. GCNQSD đất bà được cấp hợp pháp nên bà không chấp nhận yêu cầu của ông N hủy GCNQSD đất của bà; mở cổng đi riêng vào ngôi mộ. Bà đề nghị cứ để nguyên trạng ngôi mộ như hiện nay không được tôn tạo xây to hơn, bà vẫn tạo điều kiện cho gia đình ông N vào thắp hương mộ. Bà đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Ý kiến của UBND huyện H:

Thửa đất số 130A, tờ bản đồ số 14 có diện tích 464,0m² (đất ở: 100,0m²; đất vườn (cây lâu năm): 364,0m²), địa chỉ tại Khu C, xã Y (khu H, xã C cũ) được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số T 781419 ngày 31/12/2002, đứng tên chủ hộ là bà Trần Thị L. Qua kiểm tra, xác minh, nguồn gốc thửa đất là do bà L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ gia đình ông Trần Văn K.

Hộ gia đình ông K được UBND huyện cấp GCNQSD đất số O 355944 ngày 10/11/1999 với diện tích 2.802,0m² (đất ở: 300,0m², đất vườn (cây lâu năm):

1.782,0m², đất rừng trồng sản xuất: 720,0m²) tại thửa 130, tờ bản đồ số 14 tại khu H, xã C cũ (nay là Khu C, xã Y).

Năm 2002, hộ gia đình ông K chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con gái là hộ gia đình bà Trần Thị L diện tích 464,0m² (đất ở: 100,0m², đất vườn (cây lâu năm): 364,0m²). Ngày 31/12/2002, hộ gia đình bà Trần Thị L được UBND huyện H cấp GCNQSD đất số T 781419 đối với diện tích nhận chuyển nhượng nêu trên.

Năm 2004, hộ gia đình ông K chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn V, diện tích 2.338,0m² (đất ở: 200,0m²; đất vườn (cây lâu năm): 1.418,0m²; đất rừng trồng sản xuất: 720,0m²).

Hiện hồ sơ cấp GCNQS đất cho hộ gia đình ông Trần Văn K và hộ gia đình bà Trần Thị L đang được lưu trữ tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện H và UBND xã Y.

Về quy trình cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông K và quy trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ gia đình ông K cho các hộ gia đình: bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn V là đảm theo quy định tại thời điểm cấp GCNQSD đất. Hiện nay, phát sinh tranh chấp giữa hộ gia đình ông Nguyễn Văn N và hộ gia đình bà Trần Thị L. Đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ, nguồn gốc sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất để xem xét giải quyết vụ việc theo quy định.

Nội dung ý kiến của UBND xã Y: Đề nghị Tòa án nghiên cứu hồ sơ xét xử hợp tình hợp lý, đảm bảo tính hợp pháp của pháp luật và giữ được mối quan hệ tình làng nghĩa xóm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 105, 107, 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T781419 do UBND huyện H, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31/12/2002 số vào sổ cấp GCNQSD đất số H 00017/QSDĐ/HH cho bà Trần Thị L đối với thửa đất số 130a tờ bản đồ số 14, diện tích 464m² tại Khu C, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

[2] Công nhận 8,6m² đất có ngôi mộ theo bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất 130a có ký hiệu là S2, được đánh số thứ tự: 5,4,16,15,14,13,12,5 thuộc quyền sử dụng của gia đình, dòng họ ông Nguyễn Văn N.

[3] Cắt 10,3m² đất theo bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất 130a có ký hiệu là S4, được đánh số thứ tự từ 6,13,14,15,16,8,7,6 trong phần đất của thửa đất số 130a, tờ bản đồ số 14 tại Khu C, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ cho gia đình ông N sử dụng làm lối đi vào ngôi mộ (có bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất 130a kèm theo bản án).

[4] UBND huyện H phải có trách nhiệm điều chỉnh lại diện tích, sơ đồ thửa đất sau khi trừ đi diện tích đất có ngôi mộ là 8,6m² được đánh số thứ tự: 5,4,16,15,14,13,12,5 (ký hiệu S2); diện tích lối đi vào mộ là 10,3m² (ký hiệu S4) cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác cho bà Trần Thị L theo quyết định của bản án này.

[5] Buộc gia đình ông Nguyễn Văn N phải thanh toán cho bà Trần Thị L:

- Giá trị diện tích đất cắt cho ông N làm lối đi số tiền là: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Giá trị của phần bức tường xây, cổng sắt số tiền là: 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông N hỗ trợ thêm cho bà L giá trị phần đất cắt làm lối đi số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền ông N thanh toán cho bà L là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm trả, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định, bị đơn là bà Trần Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Gia đình, dòng họ ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng 8,6m² đất có ngôi mộ theo bản trích đo địa chính tại thửa 130a có ký hiệu S2, được đánh số thứ tự: 5,4,16,15,14,13,12,5.

2. Gia đình, dòng họ ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng 10,3m² đất theo bản trích đo địa chính tại thửa 130a có ký hiệu S4, được đánh số thứ tự từ 6,13,14,15,16,8,7,6 làm lối đi vào ngôi mộ.

3. Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị L tổng số tiền là 20.000.000 đồng, bao gồm giá trị diện tích đất cắt cho gia đình, dòng họ ông N làm lối đi là: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); Giá trị của phần bức tường xây, cổng sắt là: 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và hỗ trợ thêm cho bà Trần Thị L giá trị phần đất cắt làm lối đi là: 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T781419 do UBND huyện H, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31/12/2002, số vào sổ cấp GCNQSD đất số H 00017/QSDĐ/HH cho bà Trần Thị L đối với thửa đất số 130a tờ bản đồ số 14, diện tích 464m² tại Khu C, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. UBND huyện H có trách nhiệm điều chỉnh lại diện tích, sơ đồ thửa đất và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L sau khi trừ đi phần đất có ngôi mộ và phần lối đi vào mộ theo sự thỏa thuận của các đương sự.

5. Bà Trần Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc vắng mặt của một số đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện H, tỉnh Phú Thọ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử.

[2]. Về thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị L vì là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300, khoản 2 **Điều 308** Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ cụ thể như sau:

[1]. Gia đình ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng 8,6m² đất có ngôi mộ theo bản trích đo địa chính tại thửa 130a có ký hiệu S2, được đánh số thứ tự: 5,4,16,15,14,13,12,5 (có sơ đồ kèm theo).

[2]. Gia đình ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng 10,3m² đất theo bản trích đo địa chính tại thửa 130a có ký hiệu S4, được đánh số thứ tự từ 6,13,14,15,16,8,7,6 làm lối đi vào ngôi mộ (có sơ đồ kèm theo).

[3]. Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị L tổng số tiền là 20.000.000 đồng, bao gồm giá trị diện tích đất cắt cho gia đình ông N làm lối đi là: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng); Giá trị của phần bức tường xây, cổng sắt là: 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và hỗ trợ thêm cho bà Trần Thị L giá trị phần đất cắt làm lối đi là: 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

[4]. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T781419 do UBND huyện H, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 31/12/2002, số vào sổ cấp GCNQSD đất số H 00017/QSDĐ/HH cho bà Trần Thị L đối với thửa đất số 130a tờ bản đồ số 14, diện tích 464m² tại Khu C, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. UBND huyện H có trách nhiệm điều chỉnh lại diện tích, sơ đồ thửa đất và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L sau khi trừ đi phần đất có ngôi mộ và phần lối đi vào mộ theo sự thỏa thuận của các đương sự.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn xin thi hành án đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất phát sinh từ số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị L. Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số AA/2019/0004217 ngày 08/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền